

ĐỀ LUYỆN THI THPTQG MÔN HÓA HỌC
MÃ ĐỀ 190317

Câu 1: Chất nào sau đây thuộc loại chất điện li mạnh?

- A. H₂O. B. C₂H₅OH. C. NaCl. D. CH₃COOH.

Câu 2: Phân bón nitrophotka (NPK) là hỗn hợp của

- A. (NH₄)₂HPO₄ và KNO₃. B. NH₄H₂PO₄ và KNO₃.
C. (NH₄)₃PO₄ và KNO₃. D. (NH₄)₂HPO₄ và NaNO₃.

Câu 3: Cho phản ứng: $\text{CH} \equiv \text{C} - \text{CH}_3 + \text{AgNO}_3 + \text{NH}_3 \rightarrow \text{X} \downarrow + \text{NH}_4\text{NO}_3$. X là

- A. $\text{CAg} \equiv \text{C} - \text{CH}_3$. B. $\text{CH} \equiv \text{C} - \text{CH}_2\text{Ag}$. C. $\text{CHAg} \equiv \text{C} - \text{CH}_3$. D. Ag.

Câu 4: Axit nào sau đây là axit béo?

- A. Axit axetic. B. Axit glutamic. C. Axit stearic. D. Axit adipic.

Câu 5: Tinh bột, xenlulozơ, saccarozơ, mantozơ đều có khả năng tham gia phản ứng

- A. hòa tan Cu(OH)₂. B. trùng ngưng. C. tráng gương. D. thủy phân.

Câu 6: Tơ nilon-6,6 là sản phẩm trùng ngưng của

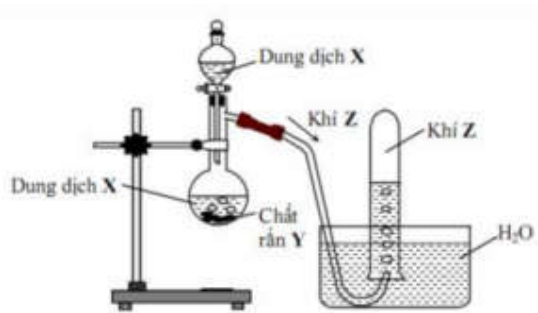
- A. axit adipic và etylen glicol. B. axit adipic và hexametylendiamin.

- C. etylen glicol và hexametylendiamin. D. axit adipic và glixerol.

Câu 7: Hai chất được dùng để làm mềm nước cứng vĩnh cửu là

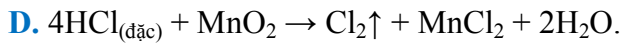
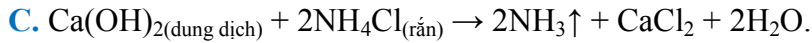
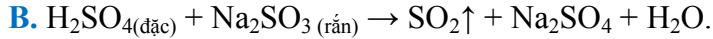
- A. Na₂CO₃ và HCl. B. Na₂CO₃ và Na₃PO₄.
C. Na₂CO₃ và CaCl₂. D. NaCl và Ca(OH)₂.

Câu 8: Hình vẽ mô tả thí nghiệm điều chế khí Z:

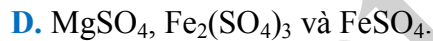
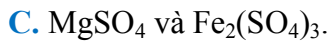
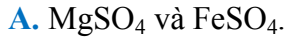


Phương trình hóa học điều chế khí Z là

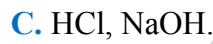
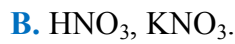
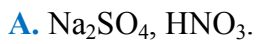
- A. $2\text{HCl}_{(\text{dung dịch})} + \text{Zn} \rightarrow \text{H}_2 \uparrow + \text{ZnCl}_2$.



Câu 9: Cho hỗn hợp X gồm Mg và Fe vào dung dịch axit H_2SO_4 đặc, nóng đến khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được dung dịch Y và một phần Fe không tan. Chất tan có trong dung dịch Y là



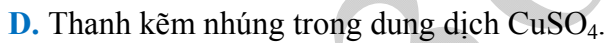
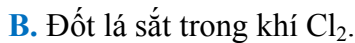
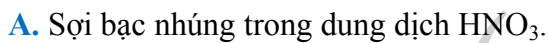
Câu 10: Các dung dịch nào sau đây đều có tác dụng với Al_2O_3 ?



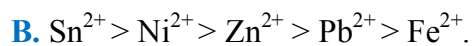
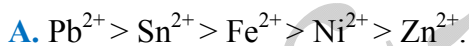
Câu 11: Kim loại nào sau đây tan hết trong nước dư ở nhiệt độ thường.



Câu 12: Trường hợp nào sau đây xảy ra ăn mòn điện hóa?



Câu 13: Cho các ion kim loại: Zn^{2+} , Sn^{2+} , Ni^{2+} , Fe^{2+} , Pb^{2+} . Thứ tự oxi hóa giảm dần là



Câu 14: Cho các chất HCHO , CH_3CHO , HCOOH , C_2H_2 . Số chất có phản ứng tráng bạc là

A. 1.

B. 3.

C. 2.

D. 4.

Câu 15: Axit axetylsalixylic ($o\text{-CH}_3\text{COO-C}_6\text{H}_4\text{-COOH}$) có ứng dụng trong y tế, làm thuốc cảm (aspirin). Tỷ lệ phản ứng khi cho axit axetylsalixylic tác dụng với KOH dư là

A. 1 : 1.

B. 1 : 2.

C. 1 : 3.

D. 2 : 1.

Câu 16: Đốt cháy hoàn toàn một anđehit X, thu được số mol CO_2 bằng số mol H_2O . Nếu cho X tác dụng với lượng dư Ag_2O (hoặc AgNO_3) trong dung dịch NH_3 , sinh ra số mol Ag gấp bốn lần số mol X đã phản ứng. CTPT của X là

A. HCHO. B. CH₃CHO. C. (CHO)₂. D. C₂H₅CHO.

Câu 17: Phenol không phản ứng với chất nào sau đây?

A. NaOH. B. Br₂. C. NaHCO₃. D. Na.

Câu 18: Ứng với CTPT C₄H₁₀O có bao nhiêu ancol là đồng phân cấu tạo của nhau?

A. 4. B. 3. C. 2. D. 5.

Câu 19: Sản phẩm chính thu được khi cho 2-metylbutan tác dụng với clo (tỉ lệ 1 : 1) là

A. 1-clo-2-metylbutan. B. 2-clo-2-metylbutan. C. 2-clo-3-metylbutan. D. 1-clo-3-metylbutan.

Câu 20: Đốt cháy hoàn toàn hợp chất hữu cơ 3,2 gam X trong oxi thu được 2,24 lít CO₂ (đktc) và 3,6 gam H₂O. Thành phần của X gồm

A. cacbon và hiđro. B. cacbon. C. cacbon và oxi. D. cacbon, hiđro và oxi.

Câu 21: Dung dịch X gồm 0,01 mol Na⁺; 0,02 mol Mg²⁺; 0,02 mol NO₃⁻ và a mol ion SO₄²⁻ Khi cô cạn cẩn thận dung dịch X thu được chất rắn có khối lượng là

A. 3,39 gam. B. 2,91 gam. C. 4,83 gam D. 2,43 gam.

Câu 22: Cho luồng khí CO (dư) đi qua 9,1 gam hỗn hợp gồm CuO và Al₂O₃ nung nóng đến khi phản ứng hoàn toàn, thu được 8,3 gam chất rắn. Khối lượng CuO có trong hỗn hợp ban đầu là

A. 0,8 gam. B. 8,3 gam. C. 2,0 gam. D. 4,0 gam.

Câu 23: Đun nóng 6,0 gam CH₃COOH với 8,0 gam C₂H₅OH (có H₂SO₄ làm xúc tác, hiệu suất phản ứng este hóa bằng 50%). Khối lượng este tạo thành là

A. 6,0 gam. B. 4,4 gam. C. 8,8 gam. D. 7,6 gam.

Câu 24: Hai este X, Y có cùng công thức phân tử C₈H₈O₂ và chứa vòng benzen trong phân tử. Cho 6,8 gam hỗn hợp gồm X và Y tác dụng với dung dịch NaOH dư, đun nóng, lượng NaOH phản ứng tối đa là 0,06 mol, thu được dung dịch Z chứa 4,7 gam ba muối. Khối lượng muối của axit cacboxylic có phân tử khối lớn hơn trong Z là

A. 0,82 gam. B. 0,68 gam. C. 2,72 gam. D. 3,40 gam.

Câu 25: Cho 2,1 gam hỗn hợp X gồm 2 amin no, đơn chức, kế tiếp nhau trong dãy đồng đẳng phản ứng hết với dung dịch HCl (dư), thu được 3,925 gam hỗn hợp muối. Công thức của 2 amin trong hỗn hợp X là

- A. $C_3H_7NH_2$ và $C_4H_9NH_2$. B. CH_3NH_2 và $C_2H_5NH_2$.
C. CH_3NH_2 và $(CH_3)_3N$. D. $C_2H_5NH_2$ và $C_3H_7NH_2$.

Câu 26: Dung dịch nào sau đây có $pH > 7$?

- A. Dung dịch glyxin. B. Dung dịch alanin. C. Dung dịch lysin. D. Dung dịch valin.

Câu 27: Hỗn hợp X gồm chất Y ($C_2H_8N_2O_4$) và chất Z ($C_4H_8N_2O_3$); trong đó, Y là muối của axit đa chức, Z là dipeptit mạch hở. Cho 25,6 gam X tác dụng với dung dịch NaOH dư, đun nóng, thu được 0,2 mol khí. Mặt khác 25,6 gam X tác dụng với dung dịch HCl dư, thu được m gam chất hữu cơ. Giá trị của m là

- A. 20,15. B. 31,30. C. 23,80. D. 16,95.

Câu 28: Cho các phát biểu sau:

- (a) Andehit vừa có tính oxi hóa vừa có tính khử.
(b) Phenol tham gia phản ứng thế brom khó hơn benzen.
(c) Andehit tác dụng với H_2 (dư) có xúc tác Ni đun nóng, thu được ancol bậc một.
(d) Dung dịch axit axetic tác dụng được với $Cu(OH)_2$.
(e) Dung dịch phenol trong nước làm quỳ tím hóa đỏ.
(g) Trong công nghiệp, axeton được sản xuất từ cumen.

Số phát biểu đúng là

- A. 4. B. 2. C. 5. D. 3.

Câu 29: Cho 5,376 lít khí CO (ở đktc) từ từ đi qua ống sứ nung nóng đựng 10,44 gam một oxit sắt đến khi phản ứng xảy ra hoàn toàn. Khí thu được sau phản ứng có tỉ khối so với hidro bằng 20. Công thức của oxit sắt và phần trăm thể tích của khí CO_2 trong hỗn hợp khí sau phản ứng là

- A. FeO; 75%. B. Fe_2O_3 ; 75%. C. Fe_2O_3 ; 65%. D. Fe_3O_4 ; 75%.

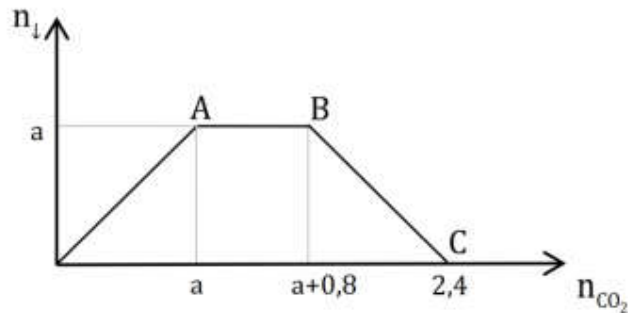
Câu 30: Cho 40,5 gam kim loại R (có hóa trị không đổi) tác dụng với dung dịch axit clohidric dư thì thu được 50,4 lít khí (đktc). Kim loại R là

- A. Mg. B. Al. C. Zn. D. Fe.

Câu 31: Hòa tan hoàn toàn 8,9 gam hỗn hợp gồm Mg và Zn bằng lượng vừa đủ 500 ml dung dịch HNO_3 1M. Sau khi các phản ứng kết thúc, thu được 1,008 lít khí N_2O (đktc) duy nhất và dung dịch X chứa m gam muối. Giá trị của m là

- A. 31,22. B. 34,10. C. 33,70. D. 34,32.

Câu 32: Dung dịch X chứa a mol $\text{Ba}(\text{OH})_2$ và b mol NaOH. Sục khí CO_2 dư vào dung dịch X, ta thấy lượng kết tủa biến đổi theo đồ thị: (các đơn vị được tính theo mol)



Giá trị $a + b$ là

- A. 0,8. B. 1,0. C. 1,6. D. 1,8.

Câu 33: Cho m gam hỗn hợp Al và Na vào nước dư, sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được 2,24 lít khí H_2 (đktc) và 2,35 gam chất rắn không tan. Giá trị của m là

- A. 4,35 B. 4,85 C. 6,95 D. 3,70

Câu 34: Nung m gam bột sắt trong oxi, thu được 3 gam hỗn hợp chất rắn X. Hòa tan hết hỗn hợp X trong dung dịch HNO_3 (dư), thoát ra 0,56 lít (ở đktc) NO (là sản phẩm khử duy nhất). Giá trị của m là

- A. 2,52. B. 2,22. C. 2,62. D. 2,32.

Câu 35: Thuốc thử nào sau đây dùng để phân biệt khí H_2S với khí CO_2 ?

- A. Dung dịch HCl. B. Dung dịch $\text{Pb}(\text{NO}_3)_2$.
C. Dung dịch K_2SO_4 . D. Dung dịch NaCl.

Câu 36: Cho 0,87 gam hỗn hợp gồm Fe, Cu, Al vào bình đựng 300 ml dung dịch H_2SO_4 0,1M. Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được 0,32 gam chất rắn và có 448 ml khí (đktc) thoát ra. Thêm tiếp vào bình 0,425 gam NaNO_3 , khi các phản ứng kết thúc thì thể tích NO (đktc, sản phẩm khử duy nhất) tạo thành và khối lượng muối trong dung dịch là

Truy cập Website hoc360.net – Tải tài liệu học tập **miễn phí**

Giá trị của T trên đồ thị là

A. 3600.

B. 1200.

C. 3000.

D. 1800.

hoc360.net

Group: <https://www.facebook.com/groups/tailieutieuhocvaths/>